

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

THÁI ANH THƯ
QUAN HỆ VIỆT - LÀO NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Chuyên ngành : Quan hệ quốc tế

Mã số : 60310206

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUỐC TẾ HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Thị Quế

HÀ NỘI – 2016

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	3
MỞ ĐẦU	4
Chương 1: NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ VIỆT - LÀO TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2016	10
1.1. Tình hình thế giới, khu vực và hai nước Việt Nam, Lào	10
<i>1.1.1. Tình hình thế giới, khu vực</i>	10
<i>1.1.2. Khái quát tình hình hai nước Việt - Lào</i>	17
1.2. Chính sách đối ngoại của Việt Nam và Lào	20
<i>1.2.1. Chính sách đối ngoại của Việt Nam</i>	21
<i>1.2.2. Chính sách đối ngoại của Lào</i>	27
1.3. Khái quát lịch sử quan hệ Việt - Lào từ năm 1930 đến năm 2000	31
<i>1.3.1. Giai đoạn 1930 - 1975</i>	31
<i>1.3.2. Giai đoạn 1975 - 1991</i>	34
<i>1.3.3. Giai đoạn 1991 - 2000</i>	37
Chương 2: THỰC TRẠNG QUAN HỆ VIỆT - LÀO TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2016	40
2.1. Trên lĩnh vực chính trị, an ninh, quốc phòng	40

2.1.1. Trên lĩnh vực chính trị	40
2.1.2. Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng	46
2.1.3. Vấn đề biên giới và lãnh thổ	49
2.2. Trên các lĩnh vực kinh tế	52
2.2.1. Về thương mại	52
2.2.2. Về đầu tư - liên doanh	56
2.2.3. Về tài chính - ngân hàng	59
2.3. Trên lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ	60
2.3.1. Về văn hóa nghệ thuật	60
2.3.2. Về giáo dục và đào tạo	62
2.3.3. Về khoa học và công nghệ	65
2.4. Trên một số lĩnh vực khác	66
2.4.1. Về bưu chính - viễn thông	66
2.4.2. Về nông - lâm nghiệp	67
2.4.3. Về giao thông vận tải	69
2.4.4. Về năng lượng, địa chất và khoáng sản	71
2.4.5. Về y tế, du lịch	73

2.4.6. Hợp tác giữa các địa phương	74
Chương 3: NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO QUAN HỆ VIỆT - LÀO ĐẾN NĂM 2030 VÀ KHUYẾN NGHỊ	77
3.1. Nhận xét, đánh giá và dự báo quan hệ Việt - Lào đến năm 2030	77
3.1.1. Thuận lợi và khó khăn	77
3.1.2. Dự báo quan hệ Việt - Lào đến năm 2030	84
3.2. Khuyến nghị nhằm tăng cường quan hệ Việt - Lào đến năm 2030	88
KẾT LUẬN	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ARF	ASEAN Regional Forum <i>Diễn đàn khu vực ASEAN</i>
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations <i>Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á</i>
COC	The Code of Conduct for the South China Sea <i>Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông</i>

CHDCND	Cộng hòa dân chủ nhân dân
DOC	Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea <i>Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông</i>
FDI	Foreign Direct Investment <i>Đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>
GDP	Gross Domestic Product <i>Tổng sản phẩm quốc nội</i>
OPEC	Organization of Petroleum Exporting Countries <i>Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa</i>
Tp	Thành phố
TDTT	Thể dục thể thao
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử quan hệ quốc tế, mối quan hệ giữa các nước láng giềng, khu vực luôn là một trong những mối quan hệ quan trọng nhất, song đồng thời cũng phức tạp và

nhạy cảm nhất. Giữa các nước láng giềng, bên cạnh việc chia sẻ những giá trị chung trong một khu vực địa lý sinh thái, sự gắn gũi về lịch sử văn hóa truyền thống cũng như về vị trí vai trò địa - chiến lược..., thì do nhiều nguyên nhân khác nhau cũng thường tồn tại và nảy sinh cả những va chạm, thậm chí bất đồng, mâu thuẫn về lợi ích, trước hết liên quan đến tranh chấp biên giới lãnh thổ, lãnh hải, nguồn tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề sắc tộc, tôn giáo. Do đó, tất cả các nước dù lớn hay nhỏ đều đặc biệt quan tâm việc xử lý mối quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, bởi điều đó luôn tác động một cách trực tiếp nhất đến sự ổn định an ninh, chính trị và sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Nhìn chung, đối với mỗi quốc gia - dân tộc, việc hoạch định và thực thi đường lối, chính sách đối ngoại không thể được coi là thành công khi không xử lý một cách đúng đắn mối quan hệ với các nước láng giềng và khu vực. Trên phương diện này, Việt Nam cũng không là một ngoại lệ, nhất là trong bối cảnh mức độ tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng gia tăng trước sự phát triển mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Để có một môi trường quốc tế hoà bình và ổn định đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, thì vấn đề đặt ra đối với các nước trước hết là phải xây dựng được mối quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước láng giềng. Nhận thức rõ tầm quan trọng và tính tất yếu của vấn đề này, Đảng ta khi khởi xướng công cuộc đổi mới đã ngày càng chủ động và tích cực đổi mới tư duy đối ngoại nhằm hoạch định và triển khai thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, dành ưu tiên xứng đáng cho việc cải thiện, củng cố, phát triển quan hệ với các nước láng giềng. Nhờ vậy, Việt Nam đã từng bước phá được thế bị bao vây cấm vận của các thế lực đế quốc và thù địch, hóa giải tương đối thành công những khó khăn, bất cập trong quan hệ với một số nước láng giềng có chung biên giới cũng như với các nước khu vực, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Trong suốt 30 năm đổi mới vừa qua, quan hệ đối ngoại của Việt Nam không ngừng được mở rộng, vị thế đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa *ba nước Đông Dương* luôn là một ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước láng giềng, khu vực. Trong quan hệ đặc biệt với Lào, Việt Nam triển khai hợp tác một cách toàn diện, giúp bạn phát triển kinh tế - xã hội, góp phần duy trì ổn định chính trị - xã hội, an ninh của Lào. Quan hệ hợp tác với CHDCND Lào là một trong những mối quan hệ đối

ngoại hàng đầu của nước ta. Từ nhiều thế kỷ trước, các vương triều phong kiến Việt Nam đã nhận thức rõ tầm quan trọng của Lào và do đó, đã kiên trì thực hiện chính sách bang giao hòa hiếu với Lào trong suốt chiều dài lịch sử. Chính sách đó đã được Đảng, Chính phủ Việt Nam kế thừa, phát huy và làm sâu sắc hơn. Việt Nam một mặt lấy mối quan hệ mật thiết giữa hai Đảng làm nòng cốt, mặt khác không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, coi đó là tiền đề vật chất gắn kết hai nước trên cơ sở lâu dài, bền vững. Đồng thời, Việt Nam chú trọng giải quyết tốt những vấn đề còn tồn tại, làm thất bại âm mưu của các thế lực quốc tế vẫn tìm cách tác động, chia rẽ giữa hai nước nhằm hạn chế ảnh hưởng và vị thế của Việt Nam ở Lào. Nhờ đó, từ khi lập quốc tới nay, quan hệ Việt - Lào là mối quan hệ tốt nhất mà nước ta có được với một nước láng giềng ở khu vực Đông Nam Á.

Bước vào thế kỷ 21, môi trường an ninh, kinh tế thế giới và khu vực diễn biến rất phức tạp, đặt quan hệ Việt - Lào trước những cơ hội và thách thức mới. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực và quyết tâm của hai Đảng và hai Nhà nước, quan hệ đặc biệt Việt - Lào vẫn phát triển tốt đẹp. Trong những năm sắp tới, quan hệ giữa hai nước có thể sẽ phải đối diện với những thách thức lớn hơn do sự chuyển giao thế hệ lãnh đạo ở cả hai nước, đặc biệt là ở Lào, những tác động của cạnh tranh Trung - Mỹ không chỉ trên phạm vi khu vực mà ngay cả ở từng nước. Trong bối cảnh như vậy, rất cần có những công trình nghiên cứu sâu về quan hệ Việt - Lào những năm đầu thế kỷ 21 nhằm khẳng định những thành tựu, chỉ ra những hạn chế của mối quan hệ đó để tìm kiếm các biện pháp khắc phục; tuy nhiên từ trước tới nay chưa có công trình nghiên cứu về quan hệ Việt - Lào ở giai đoạn này.

Với lý do trên tác giả chọn đề tài “*Quan hệ Việt - Lào những năm đầu thế kỷ XXI*” làm luận văn tốt nghiệp cao học chuyên ngành Quốc tế học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

• Ở ngoài nước

Những năm qua, trên thế giới đã có những công trình nghiên cứu về Việt Nam, trong đó chủ yếu là đánh giá vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, cũng như phân tích về đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam. Đáng chú ý là các công trình:

Vietnam's Foreign Relations: Dynamics of Change của tác giả Frank Frost (Pacific Affairs, Vol. 67, No. 4/1995); *Vietnam and the World: Marxist-Leninist Doctrine and the Changes in International Relations, 1975-1993* của Eero Palmujoki (London, Macmillan Press, 1997); *Ideology and Foreign Policy: Vietnam's Marxist Leninist Doctrine and Global Change, 1986-96* của Eero Palmujoki (Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1999); *Sino - Vietnamese Relations: Past, Present and Future* của Ramses Amer (Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1999); *Việt Nam quan tâm đến việc xây dựng những cân bằng chiến lược mới*, của Madhur Singh (Hindustan Times, New Delhi, 20/6/2007)... Các công trình kể trên, trong khi đánh giá những bước điều chỉnh chính sách đối ngoại của Việt Nam từ giữa thập niên 80, đầu thập niên 90, đã khẳng định những thành tựu đối ngoại chủ yếu của Việt Nam, đồng thời cũng chỉ ra một số điểm thay đổi trong quan hệ của Việt Nam với các nước trong khu vực.

Các luận văn như: “Sự lựa chọn chiến lược của Lào trong chính sách đối với Việt Nam và Trung Quốc” của Bounthan Kousonsanong, Hà Nội tháng 7, năm 2006; “Quan hệ đặc biệt Lào - Việt trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng từ sau chiến tranh lạnh đến nay” của Soulisay Phichit, v.v... Tác giả của các luận văn đã nêu ra tính cấp bách của sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Đảng NDCM Lào cho phù hợp sự thay đổi của tình hình của đất nước, của khu vực và quốc tế, nhấn mạnh sự đúng đắn của chính sách đối ngoại từng từ hoàn cảnh cụ thể và nêu ra một số nhân tố tác động trong chính sách đối ngoại của Lào, khái quát chính sách của Lào đối với Việt Nam.

- ***Những nghiên cứu trong nước***

Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, các nhà nghiên cứu trong nước ngày càng quan tâm đến những vấn đề chung của thế giới, cũng như phân tích lý luận và thực tiễn đối ngoại của Việt Nam. Sự khởi sắc trong lĩnh vực nghiên cứu này đang đặt nền móng rất đáng khích lệ cho việc xây dựng định hướng chiến lược đối ngoại, góp phần vào việc hình thành Triết lý phát triển của Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Hàng loạt công trình đã ra đời, cung cấp cho người đọc khối lượng tri thức phong phú, đa chiều và tương đối toàn diện về đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam, trong đó có những nội dung liên quan chính sách và quan hệ của Việt Nam với các nước láng giềng.

Ngoài ra, trên các tạp chí và sách chuyên ngành, các tác giả trong nước rất chú ý đến sự phát triển quan hệ của Việt Nam đối với từng nước láng giềng cụ thể. Đây là một hướng nghiên cứu khá đa dạng về hình thức từ hội thảo khoa học đến bài viết và nhiều tác phẩm chuyên khảo, đồng thời cũng rất phong phú về nội dung, bao gồm nhiều lĩnh vực từ chính trị, an ninh đến kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật... Chẳng hạn các công trình như: *Giao lưu và hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các nước láng giềng*, của Bùi Danh Lưu (Nxb. Giao thông, Hà nội, 2003); *Tổng quan hợp tác kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và Lào (1991-2001)* của Nguyễn Hoàng Giáp (T/c Những vấn đề kinh tế thế giới, 4/2001); *Ba mươi năm quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào (1977-2007)* của Nguyễn Hào Hùng (T/c Nghiên cứu Đông Nam Á, 8-2007), v.v. Nhìn chung, với số lượng rất đông đảo, các công trình nêu trên đã phác họa được một bức tranh tổng thể, đa dạng về đường lối, chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của Việt Nam thời kỳ đổi mới. Nhiều công trình trong số đó đã đi sâu luận bàn một số khía cạnh trong chính sách của Việt Nam với các nước láng giềng Trung Quốc, Lào, Campuchia, các nước ASEAN khác. Đây thực sự là những tài liệu hết sức quan trọng, hữu ích có thể khai thác, kế thừa và tham khảo trong quá trình nghiên cứu về nội dung của đề tài.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3. 1. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Đề tài làm rõ thực trạng quan hệ giữa Việt Nam với Lào trên các lĩnh vực: Chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hoá nghệ thuật, giáo dục đào tạo và một số lĩnh vực khác từ năm 2001 đến năm 2016. Từ đó dự báo triển vọng của mối quan hệ này đến năm 2030 và khuyến nghị.

3. 2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu nêu trên, đề tài tập trung giải quyết **những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu** sau:

- Phân tích các nhân tố tác động đến quan hệ Việt - Lào từ năm 2001 đến năm 2016.

- Phân tích thực trạng quan hệ Việt - Lào trên các lĩnh vực: Chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hoá nghệ thuật, giáo dục đào tạo và một số lĩnh vực khác từ năm 2001 đến năm 2016.

- Dự báo về triển vọng quan hệ Việt - Lào đến năm 2030 và khuyến nghị.

4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Về thời gian*: Đề tài tập trung nghiên cứu từ năm 2001 đến năm 2016.

- *Về không gian*: giới hạn nghiên cứu của đề tài chỉ tập trung vào quan hệ của Việt Nam với Lào trên các lĩnh vực: Chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hoá nghệ thuật, giáo dục đào tạo và một số lĩnh vực khác.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm và đường lối của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, và Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Ngoài ra, Luận văn còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, trong đó phương pháp chủ yếu là lô gích và lịch sử kết hợp với phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, phương pháp chuyên gia, tổng kết kinh nghiệm.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sau đây:

- Góp phần luận giải một cách khoa học và làm rõ thêm những quan điểm cơ bản trong chính sách của Đảng và Nhà nước ta và của Đảng nhân dân cách mạng Lào và thực trạng quan hệ Việt Lào những năm đầu thế kỷ XXI.

- Góp phần cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn đối với việc hoạch định sách, lựa chọn định hướng của nước ta trong củng cố, phát triển quan hệ đặc biệt với Lào trong thời gian tiếp theo.

- Đề tài sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích đối với cán bộ hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại, quốc phòng và an ninh; đồng thời là nguồn tư liệu phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu về Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn kết cấu, gồm 3 chương, 9 tiết.

Chương 1 : NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ VIỆT - LÀO TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2016

1.1. Tình hình thế giới, khu vực và hai nước Việt Nam, Lào

1.1.1. Tình hình thế giới, khu vực

Bước sang thế kỷ XXI, bối cảnh tình hình Thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khuynh hướng cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn đã dần mạnh lên so với xu thế hòa dịu và hợp tác giữa các nước đó trong thập niên 90 thế kỷ XX. Nhiều những nhân tố mới chi phối tình hình thế giới, khu vực xuất hiện, ảnh hưởng trực tiếp tới quan hệ Việt - Lào giai đoạn này.

Đầu thế kỷ XXI, công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đã thu được những thắng lợi vang dội. Từ một nước bị kiệt quệ vì những sai lầm trong đường lối phát triển đất nước và đấu tranh nội bộ, Trung Quốc đã trở thành cường quốc kinh tế lớn thứ ba trên thế giới. Sự trỗi dậy của Trung Quốc là một trong những nhân tố ảnh hưởng và chi phối không nhỏ tới tình hình thế giới và khu vực. Thêm vào đó, nước Nga thời kỳ này cũng phục hưng, không còn là nước Nga của những năm 90 thế kỷ XX. Sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự phục hồi của Nga khiến Mỹ và các nước phương Tây lo ngại, sự cạnh tranh Trung - Mỹ, Mỹ - Nga trở nên gay gắt.

Trước tình hình thế giới biến động và với nhu cầu thực tiễn, ASEAN quyết định đưa hợp tác khu vực lên tầm cao hơn, làm sâu sắc hơn việc hội nhập khu vực thông qua việc thành lập Cộng đồng ASEAN (AC). Việc Cộng đồng ASEAN và nhiều những cơ chế hợp tác khu vực mới ra đời đã mở ra nhiều kênh hợp tác mới cho Việt Nam và Lào, tạo cơ hội lớn cho hợp tác Việt - Lào phát triển. Ngoài ra, khu vực Đông Nam Á thời kỳ này cũng xuất hiện nhiều sự biến đổi mạnh mẽ. Những năm 90 của thế kỷ trước, Mỹ đã không chú ý đến khu vực Đông Nam Á, do đó đã tạo điều kiện cho Trung Quốc phát huy ảnh hưởng tại đây. Trước tình hình đó, các nước Đông Nam Á đã kêu gọi Mỹ quay trở lại để cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc, đồng thời Mỹ cũng lo ngại lợi ích của mình ở khu vực này nên đã quyết định quay trở lại hiện diện tại đây thông qua chính sách xoay

trục vào năm 2009, việc triển khai chính sách này đã khiến cạnh tranh Trung - Mỹ ngày càng trở nên khốc liệt, điều này đã tác động lớn tới quan hệ Việt - Lào.

Tình hình thế giới, khu vực thời kỳ này tuy vẫn tồn tại một số đặc điểm đặc trưng như thời kỳ trước đó, tuy nhiên do sự tác động của các nhân tố mới nên đã xuất hiện một vài đặc điểm, xu thế mới.

- ***Đặc điểm của tình hình thế giới, khu vực***

Thứ nhất, Cục diện thế giới diễn biến phức tạp. Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đầu thập niên 90 của thế kỷ XX làm cho cục diện thế giới và quan hệ quốc tế thay đổi một cách cơ bản. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bị khủng hoảng sâu sắc, toàn diện. Cơ cấu địa - chính trị và sự phân bố quyền lực toàn cầu bị đảo lộn, cán cân so sánh lực lượng trên thế giới nghiêng về phía có lợi cho chủ nghĩa tư bản.

Sau gần nửa thế kỷ tồn tại kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, trật tự thế giới hai cực chấm dứt. Quá trình hình thành trật tự thế giới mới chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc, khó đoán định, trong đó nổi lên hai khuynh hướng đối nghịch nhau: Mỹ tham vọng thiết lập trật tự thế giới đơn cực, trong khi Nga, Trung Quốc và một số nước lớn khác đấu tranh cho một trật tự thế giới đa cực. Càng về những năm gần đây, cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng “đơn cực” và “đa cực”, “đơn phương” và “đa phương” diễn ra càng gay gắt với ưu thế rõ nét của khuynh hướng “đa cực”, “đa phương”. Diễn biến của tình hình thế giới cho thấy: “Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế”¹. Trong những năm tới, “cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn”². Với những chuyển biến đó, tính chất và nội dung giao lưu quốc tế thay đổi nhanh chóng với vị trí ưu tiên hàng đầu thuộc về yếu tố kinh tế. Phương thức tập hợp lực lượng trong quan hệ quốc tế thay đổi mạnh, trở nên rất năng động, linh hoạt, vừa có hợp tác vừa có

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 183.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.71.

đấu tranh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng.

Thứ hai, Cách mạng khoa học - công nghệ có bước tiến nhảy vọt, tác động sâu sắc tình hình kinh tế, chính trị - xã hội và quan hệ quốc tế. Cuộc cách mạng này thúc đẩy lực lượng sản xuất của thế giới phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy. Tuy nhiên, những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại lại chủ yếu thuộc về các nước phát triển, do họ có thực lực kinh tế, tiềm lực khoa học hùng mạnh cùng với mạng lưới công ty xuyên quốc gia vươn rộng khắp hành tinh. Các nước đang phát triển do những hạn chế về nhiều mặt, nên không dễ dàng có thể tiếp cận những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, thậm chí đứng trước nguy cơ trở thành nơi thu nhận những công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường được chuyển giao từ các nước phát triển³.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ khiến cho sự phát triển kinh tế ngày càng phụ thuộc vào nhân tố tri thức - trí tuệ, tạo ra bước ngoặt hình thành nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Xu thế phát triển kinh tế tri thức tác động mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia, dân tộc tạo ra những thay đổi căn bản không chỉ trong đời sống kinh tế - xã hội, mà cả trong so sánh lực lượng cũng như ngôi vị của mỗi quốc gia trên trường quốc tế.

Thứ ba, Toàn cầu hoá trước hết về kinh tế ngày càng phát triển mạnh mẽ, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực. Toàn cầu hoá kinh tế phát triển mạnh mẽ lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia. Trong xu thế toàn cầu hóa, tự do hóa kinh tế và cải cách thị trường diễn ra phổ biến. Các nền kinh tế dựa vào nhau, liên kết với nhau, xâm nhập lẫn nhau, khiến cho tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng tăng. Toàn cầu hoá thúc đẩy hợp tác, phân công lao động quốc tế và tăng trưởng kinh tế. Các hình thức hợp tác, liên kết kinh tế trở nên nhiều vẻ và rất phong phú về nội dung, tạo điều kiện phát triển giao lưu văn hoá và tri thức quốc tế, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Tuy nhiên, xu thế toàn cầu hóa đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp

³ Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Hoàng Giáp, Tập bài giảng Quan hệ quốc tế, Nxb Lý luận Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr.125

tác, vừa có đấu tranh. Mặt khác, toàn cầu hoá là một quá trình đầy mâu thuẫn. Trước hết, đó là mâu thuẫn giữa một bên là lợi ích của các thế lực tư bản, đế quốc cường quyền với một bên là chủ quyền của các quốc gia dân tộc; giữa tăng trưởng kinh tế với bất công xã hội; giữa áp lực của tư bản độc quyền xuyên quốc gia với sự lựa chọn con đường phát triển của các nước; giữa các lực lượng lợi dụng toàn cầu hóa để mở rộng bóc lột kinh tế, áp đặt chính trị với các lực lượng đấu tranh chống toàn cầu hóa phi nhân bản, bảo vệ độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Do đó, toàn cầu hóa không chỉ thuần túy là một quá trình kinh tế - kỹ thuật, mà còn là cuộc đấu tranh kinh tế - xã hội, kinh tế - chính trị và văn hoá - tư tưởng rất gay gắt với thời cơ và thách thức đan xen nhau đối với nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển⁴.

Thứ tư, Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra gay gắt với những biểu hiện mới, hình thức mới. Nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi, song nhiều cuộc chiến tranh cục bộ, tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, can thiệp lật đổ, xung đột sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên xảy ra ở nhiều nơi. “Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế”⁵. Trong bối cảnh đó, lợi dụng sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội, các thế lực đế quốc ráo riết chống phá phong trào cách mạng thế giới, gia tăng “diễn biến hoà bình” nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Các thế lực này bằng nhiều thủ đoạn như bao vây, cấm vận kinh tế, gây bạo loạn, lật đổ hoặc trực tiếp phát động chiến tranh xâm lược, áp đặt sự lệ thuộc đối với các nước đang phát triển, đồng thời tìm cách dập tắt các cuộc đấu tranh của công nhân và lao động ở các nước tư bản phát triển, đẩy mạnh chống phá các phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc có những biểu hiện mới với hình thức và nội dung đa dạng. Cùng với cuộc đấu tranh chống “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc ở các nước xã hội chủ nghĩa, thì tại nhiều nước cũng diễn ra cuộc đấu tranh chống

4 Nguyễn Thị Quế, Chính sách đối ngoại của các nước lớn thời kỳ sau chiến tranh lạnh, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 123

5 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr. 71.

âm mưu can thiệp, lật đổ thông qua “cách mạng màu sắc”. Phong trào đấu tranh chống các chính sách của chủ nghĩa tự do mới, chống mặt trái của toàn cầu hóa diễn ra sôi nổi, lôi cuốn hàng triệu người tham gia. Mục tiêu đấu tranh không chỉ là bảo vệ nền độc lập dân tộc, cải thiện điều kiện sống, bảo đảm an sinh xã hội, mà còn vì hòa bình, dân chủ, chống chiến tranh, chống áp bức dân tộc, bảo vệ môi trường...

Thứ năm, Các nước lớn và quan hệ giữa các nước lớn là nhân tố rất quan trọng tác động đến sự phát triển thế giới. Các nước lớn là nhân tố rất quan trọng đối với sự phát triển của thế giới. Một số cường quốc có sức chi phối lớn nền chính trị, kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế, trong đó Mỹ vẫn có ưu thế khá nổi trội, tỏ rõ tham vọng “lãnh đạo” thế giới. Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn, các trung tâm tư bản quốc tế làm thu hẹp đáng kể khoảng cách chênh lệch thực lực kinh tế giữa họ. Quan hệ giữa các nước lớn rất đa dạng về cấp độ và luôn thay đổi, chuyển hoá hết sức phức tạp, khó lường. Các nước lớn vừa đấu tranh, kiềm chế vừa hợp tác, thoả hiệp và vì lợi ích của mình nhìn chung đều tránh đối đầu trực diện với nhau.

Thứ sáu, Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc, mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết được nếu không có sự hợp tác đa phương. Những vấn đề toàn cầu cấp bách nhất đe dọa sự sống và sự phát triển bền vững của loài người, trước hết là tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, sự bùng nổ dân số, những bệnh dịch hiểm nghèo, tội phạm quốc tế, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực... Những nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhiều năm qua đã đưa lại một số kết quả trong việc làm giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, xử lý nguồn nước và rác thải, chữa trị các bệnh lây nhiễm HIV/AIDS, SARS, dịch cúm gia cầm... Nhưng, tính chất nghiêm trọng và phức tạp của những vấn đề toàn cầu tiếp tục đòi hỏi các nước phải tích cực phối hợp, hợp tác một cách hiệu quả thiết thực, cả trong khuôn khổ song phương cũng như đa phương⁶ [37, tr. 115].

Thứ bảy, Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á tiếp tục phát triển năng động. Hợp tác khu vực diễn ra sôi động trên nhiều tầng nấc từ liên khu vực đến hợp

⁶ Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Hoàng Giáp, Tập bài giảng Quan hệ quốc tế, Nxb Lý luận Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 115.

tác theo nhóm nước và song phương, từ chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế mở rộng ra các lĩnh vực chính trị, an ninh... Bên cạnh đó, sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn rất gay gắt, kiềm chế lẫn nhau ngày càng sâu sắc. Tính năng động cao của các quá trình hợp tác, liên kết, hội nhập khu vực ảnh hưởng tích cực đến việc hình thành một cấu trúc khu vực mới có lợi cho hòa bình, ổn định và phát triển. Tuy nhiên, tại khu vực này cũng tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định như: tranh chấp về ảnh hưởng và quyền lực, về biên giới, lãnh thổ, biển đảo, tài nguyên giữa các nước cùng với những bất ổn kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước.

- ***Xu thế phát triển của tình hình thế giới***

Một là: Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, ổn định, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, là đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và các quốc gia trên thế giới. Các nước đều dành ưu tiên phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của mỗi nước, đồng thời tạo sự ổn định chính trị, mở rộng hợp tác quốc tế. Chính sách đối ngoại của mỗi nước được hoạch định và triển khai thực hiện nhằm tranh thủ khai thác các nguồn lực bên ngoài phục vụ cho sự phát triển của đất nước, trước hết về kinh tế.

Hai là, Hợp tác ngày càng tăng, nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt. Các quốc gia lớn, nhỏ đều tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực khác. Hợp tác ngày càng tăng, nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt. Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ phát triển, mỗi nước không thể biệt lập, mà cần phải có chính sách liên kết, hợp tác để phát triển. Hội nhập quốc tế tạo điều kiện để liên kết tốt hơn, giúp các nước đứng vững trong cạnh tranh và phát triển⁷.

Ba là, Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, đấu tranh chống sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hoá dân tộc. Đối với các nước đang phát triển, do sự phụ thuộc vào các nước tư bản phát triển về khoa học, công nghệ và vốn, nên họ đang đứng trước những thách thức lớn. Việc nâng

⁷ Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Hoàng Giáp, Tập bài giảng Quan hệ quốc tế, Nxb Lý luận Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 145

cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, đấu tranh chống chủ nghĩa cường quyền áp đặt và sự can thiệp của nước ngoài là một xu thế tất yếu trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Cùng với việc khắc phục khó khăn để phát triển kinh tế - xã hội, nhiều nước coi trọng giữ ổn định về chính trị, tạo môi trường hoà bình, thực hiện chính sách hoà giải, hoà hợp dân tộc, chủ động hội nhập quốc tế, góp phần xây dựng một trật tự quốc tế công bằng, bình đẳng và hợp lý.

Bốn là, Xu hướng phục hồi của phong trào cộng sản quốc tế. Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có bước hồi phục và vẫn là một lực lượng chính trị to lớn trong thời đại ngày nay. Các đảng cộng sản cầm quyền tiếp tục lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội trong công cuộc cải cách, đổi mới và đạt được những thành tựu quan trọng. Các đảng cộng sản chưa cầm quyền có những điều chỉnh đường lối chiến lược và sách lược, đấu tranh bằng nhiều hình thức đa dạng, đổi mới cách thức tập hợp lực lượng, cải thiện vai trò, vị trí trong đời sống chính trị đất nước. Sự củng cố vững mạnh của các đảng cộng sản cầm quyền và sự phục hồi của các đảng cộng sản ở các nước tư bản phát triển, các nước đang phát triển cùng với trào lưu cánh tả Mỹ Latinh là những nhân tố quan trọng đối với sự vận động của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế trong thế kỷ XXI.

Năm là, Các nước với chế độ chính trị - xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Hợp tác và đấu tranh là hai mặt trong quan hệ quốc tế và chi phối phương thức quan hệ giữa các nước. Hợp tác và đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau là nguyên tắc, là phương pháp xử lý các quan hệ quốc tế hiện nay. Khi nhu cầu hội nhập quốc tế ngày càng trở lên bức xúc đối với các quốc gia dân tộc, thì môi trường hoà bình, ổn định và phát triển của mỗi nước là điều kiện để hội nhập tốt hơn, hiệu quả hơn.

Tình hình thế giới và khu vực với những đặc điểm và xu thế nêu trên quy định tính đa dạng hoá, đa phương hoá trong chính sách đối ngoại của các nước, trong đó có Việt

Nam và Lào. Các nước đều tiến hành điều chỉnh chính sách đối ngoại, tìm cách hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới vì mục tiêu phát triển.

1.1.2. Khái quát tình hình hai nước Việt Nam, Lào

- ***Tình hình trong nước Việt Nam***

Tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã mở đầu quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng. Đại hội VI của Đảng xác định rõ những nhiệm vụ kinh tế - xã hội có ý nghĩa vừa cơ bản, vừa trước mắt là giải phóng sức sản xuất, tập trung phát triển kinh tế xã hội để nhanh chóng vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế, phá thế bị bao vây cấm vận của các thế lực thù địch và mở rộng quan hệ đối ngoại. Triển khai đường lối đổi mới về kinh tế, Việt Nam từng bước xây dựng nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, dưới sự điều tiết của Nhà nước, khuyến khích sự đóng góp của mọi thành phần kinh tế để tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hóa cho xã hội. Những thành tựu bước đầu đạt được trong phát triển kinh tế đã góp phần tích cực làm dịu bớt những căng thẳng kinh tế - xã hội, khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới.

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX, nền kinh tế Việt Nam chuyển mạnh từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, hình thành ngày càng đồng bộ các yếu tố thị trường. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhờ có sự nỗ lực vượt bậc với những bước đổi mới mang tính đột phá, nền kinh tế Việt Nam đến giữa thập niên 90 đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng và bắt đầu phát triển khá nhanh chóng. Điều đó góp phần tích cực đối với việc giữ vững ổn định chính trị xã hội, phá được thế bị bao vây cấm vận của các thế lực đế quốc thù địch, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo đà cho đất nước phát triển trong các giai đoạn tiếp theo⁸.

Trong quá trình 30 năm đổi mới, Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát

⁸ Nguyễn Thị Quế, Chính sách đối ngoại của các nước lớn thời kỳ sau chiến tranh lạnh, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 145.

triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi, cải thiện quan trọng. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng được mở rộng; đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên, tạo cơ sở thuận lợi để kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu của công cuộc đổi mới tạo tiền đề và nền tảng quan trọng để Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam tiếp tục kiên định mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ một trong những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam là: *“Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*⁹. Mặc dù vậy, Việt Nam hiện nay vẫn đứng trước một số nguy cơ lớn đòi hỏi phải vượt qua như: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng và tệ quan liêu vẫn gay gắt; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Mặt khác, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr. 77

khó khăn, thách thức lớn. Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

Là một bộ phận hợp thành đường lối chung của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối và chính sách đối ngoại phải góp phần đưa đất nước vượt qua những nguy cơ, thách thức đang đặt ra nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đường lối và chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam được hoạch định nhằm tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, kết hợp một cách hiệu quả sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- ***Tình hình trong nước Lào***

Đi lên từ điểm xuất phát rất thấp cả về kinh tế lẫn phát triển xã hội, ngay từ khi tiến hành đổi mới (1986), Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã có nhiều nỗ lực lãnh đạo xây dựng kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đảng khẳng định đã “xác định phương hướng đúng đắn về chuyển từ nền kinh tế tập trung sang kinh tế hàng hóa, vận dụng cơ chế thị trường trên cơ sở tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, phân định rõ vai trò quản lý vĩ mô và vai trò quản lý vi mô của đơn vị kinh tế, cơ chế thị trường đã tạo cho hệ thống kinh tế hoạt động sinh động và có hiệu quả cao, tạo điều kiện và khả năng mới cho việc mở rộng quan hệ hợp tác cũng như sự hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn Đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc Lào đã phát huy tinh thần tự lực tự cường, thắt chặt tình đoàn kết toàn dân thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra, đưa đất nước không ngừng phát triển toàn diện. Trong đó, những thành tựu đã đạt được là: giữ vững độc lập, dân chủ, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; kinh tế tăng trưởng 7,9 %/năm; phát triển văn hóa xã hội, nổi bật với những thành tựu, y tế, chính sách xã hội; hệ thống chính trị, chế độ dân chủ nhân dân không ngừng được củng cố vững mạnh. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào luôn tích cực chủ động chỉ đạo hoạt động đối ngoại, góp phần bảo vệ và phát triển đất nước, đồng thời góp phần củng cố và bảo vệ hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới, vị thế và uy tín của Lào ngày càng được nâng lên... Về phương hướng, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tiếp tục xây dựng và củng cố chính trị tư tưởng, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược theo

đường lối đổi mới toàn diện và có nguyên tắc, nổi bật là tiến hành công tác chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, tiến hành công tác xây dựng Đảng. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào khẳng định, coi trọng phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quyết định phát triển đất nước trong giai đoạn mới, nhằm xây dựng xã hội văn minh và công bằng; xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân ổn định, tăng cường tình đoàn kết dân tộc của nhân dân các dân tộc Lào; kiên định và thực hiện đường lối quốc phòng - an ninh toàn dân toàn diện, tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh và từng bước hiện đại; kiên định đường lối đối ngoại, hòa bình độc lập, hữu nghị và hợp tác trước sau như một, nhất là hội nhập với khu vực và quốc tế, góp phần tích cực xây dựng cộng đồng ASEAN; nâng cao khả năng lãnh đạo, sức chiến đấu và tính tiên phong của Đảng, trong đó tăng cường công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, củng cố và nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tư tưởng lý luận của Đảng; nâng cao bản chất chính trị, đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, củng cố bộ máy tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, trên tinh thần thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ nghiêm minh; đổi mới công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ và đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng; tăng cường hiệu quả và hiệu lực công tác kiểm tra [48].

1.2. Chính sách đối ngoại của Việt Nam và Lào

Việt Nam và Lào có mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, là tài sản chung vô giá của hai dân tộc. Đây là mối quan hệ được hình thành, xây dựng trong suốt cuộc kháng chiến giữ nước và dựng nước; Từ thuở Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, các lực lượng cách mạng Việt Nam và Lào đã luôn đoàn kết, sát cánh bên nhau, dựa vào nhau thể thực hiện thành công công cuộc giải phóng đất nước. Tới thời kỳ hai quốc gia đã dành được độc lập, hai bên vẫn luôn giữ vững mối quan hệ thân thiết và phát triển ngày càng sâu, rộng mối quan hệ này trên mọi lĩnh vực. Có thể nói, quan hệ Việt - Lào là mối quan hệ chưa từng có trong lịch sử quan hệ quốc tế, mối quan hệ luôn tốt đẹp, là bạn bè đồng chí, anh em thân thiết trong suốt những năm qua. Để gìn giữ, củng cố và phát huy truyền thống hữu nghị đặc biệt, Đảng và Nhà nước hai quốc gia đã luôn thực hiện những chính sách đối ngoại tốt đẹp dành cho nhau.

10 Thông tin cơ bản về Lào và quan hệ Việt – Lào, <http://www.mofahcm.gov.vn/cn-vakv/ca-tbd/nr040819103029/nsl50528170311>.

1.2.1. Chính sách đối ngoại của Việt Nam

- ***Mục tiêu đối ngoại:*** Trong thời kỳ đổi mới, việc xác định mục tiêu đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn dựa trên cơ sở lợi ích quốc gia dân tộc, đồng thời quan tâm đúng mức đến nghĩa vụ quốc tế của Đảng với tư cách một đảng cộng sản cầm quyền. Đối với Việt Nam hiện nay, lợi ích quốc gia dân tộc cơ bản và cao nhất về đối ngoại là giữ vững hoà bình để phát triển. Do đó, mục tiêu đối ngoại là phải tạo lập được môi trường quốc tế hoà bình thuận lợi cho đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Giữ vững hoà bình, tạo lập môi trường quốc tế thuận lợi, một mặt sẽ góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền an ninh quốc gia, mặt khác tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ, hợp tác của quốc tế cho sự phát triển của đất nước. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để Việt Nam nâng cao uy tín trên trường quốc tế, đồng thời đóng góp nhiều hơn nữa đối với phong trào cách mạng, dân chủ, tiến bộ trên thế giới.

- ***Tư tưởng chỉ đạo và nguyên tắc đối ngoại:*** Xuất phát từ lợi ích và mục tiêu đối ngoại đã được xác định, Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra tư tưởng chỉ đạo đối ngoại là giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng mà Việt Nam có quan hệ. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực đầu thế kỷ XXI, Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) đã bổ sung và làm sâu sắc thêm tư tưởng chỉ đạo đối ngoại với quan điểm: trong bất kỳ tình huống nào cũng tránh không để rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc, củng cố hoà bình, an ninh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

Đại hội X của Đảng tiếp tục làm sâu sắc thêm tư tưởng chỉ đạo đối ngoại với việc khẳng định quan điểm: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình và hợp tác phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực” [25, tr. 112]. Quan

điểm của Đại hội X, được Đại hội XI của Đảng kế thừa, bổ sung và phát triển toàn diện hơn khi xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹¹. Trong tình hình mới, Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh tư tưởng chỉ đạo: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹².

Quán triệt các quan điểm nêu trên là cơ sở quan trọng để bảo vệ lợi ích tối cao của quốc gia, dân tộc trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, trước hết là giữ vững hoà bình, độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Việt Nam có thể tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế quốc tế, tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài như: vốn đầu tư, khoa học - công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, phục vụ cho xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc.

Trên cơ sở thế và lực mới của đất nước, từ Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh quan điểm tăng cường sự chủ động, tích cực của Việt Nam đối với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng đầy đủ và toàn diện, không chỉ hội nhập trong lĩnh vực kinh tế, mà còn trong các lĩnh vực khác. Việt Nam cũng thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc tham gia giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế, từ đó có thể đóng vai trò là thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, hợp tác và phát triển. Từ kết quả triển khai quá trình hội nhập quốc tế những năm qua, Đại hội XII của Đảng

11 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 83,84.

12 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr. 153.

khẳng định rõ tư tưởng chỉ đạo bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi.

Đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn dựa trên sự kiên trì giữ vững nguyên tắc đối ngoại cơ bản, bao trùm là vì hòa bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu. Cụ thể hóa nguyên tắc này, Đảng và Nhà nước Việt Nam nêu 4 nguyên tắc đối ngoại chủ yếu: *Một là*, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. *Hai là*, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế. *Ba là*, giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hoà bình. *Bốn là*, tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam xác định rõ cơ sở của sự hợp tác là bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế 13.

- **Nhiệm vụ đối ngoại:** Trong suốt thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định một cách nhất quán nhiệm vụ đối ngoại, mà nội dung cơ bản của nó tiếp tục được khẳng định lại trong Văn kiện Đại hội XI là: “Giữ vững môi trường hoà bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹⁴. Đại hội XII xác định và cụ thể hơn nội dung cơ bản này, đó là “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ

13 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 84.

14 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 236.

quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹⁵. Nhiệm vụ đối ngoại chỉ rõ yêu cầu đối với hoạt động đối ngoại trước hết phải bảo vệ được lợi ích dân tộc, tạo được môi trường hòa bình, ổn định để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Song, đặt cao lợi ích dân tộc không có nghĩa từ bỏ chủ nghĩa quốc tế chân chính, mà còn góp phần thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong điều kiện và khả năng thích hợp đối với các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới, đấu tranh vì những mục tiêu mang tính thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- **Phương châm hoạt động đối ngoại:** Một là, bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; Hai là, giữ vững độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại; Ba là, nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; Bốn là, tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

- **Phương hướng hoạt động đối ngoại chủ yếu hiện nay:** Trong giai đoạn hiện nay, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam khẳng định: “Chú trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng, thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn, đối tác quan trọng”¹⁶. Đây là một hướng ưu tiên hàng đầu trong hoạt động đối ngoại, nhằm tạo lập môi trường hòa bình, ổn định chung quanh đất nước. Sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam rất cần thiết phải có môi trường hòa bình, mà trước tiên là phải xây dựng được mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng có chung biên giới. Trên hướng này, Việt Nam chú trọng việc củng cố và phát triển tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt, quan hệ hợp tác toàn diện với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, quan hệ láng giềng hữu nghị với Campuchia và Trung Quốc, phát triển quan hệ hợp tác với các nước ASEAN.

15 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr. 153.

16 Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 154.

Là thành viên của ASEAN, Việt Nam nhấn mạnh chủ trương nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước thuộc Hiệp hội, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển. Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định rõ quan điểm chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh với ba trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội.

Đối với các nước lớn, Việt Nam dành ưu tiên cao trong chính sách đối ngoại hiện nay, nhấn mạnh chủ trương đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã được xác lập vào thực chất. Đồng thời, Việt Nam nêu rõ cần thúc đẩy quan hệ đa dạng, bao gồm cả quan hệ chính phủ và phi chính phủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ, tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài. Với các nước lớn và trung tâm lớn trên thế giới, Việt Nam kiên trì nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, tạo thế đan xen lợi ích, tránh bị rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc.

Đảng và Nhà nước Việt Nam khẳng định nhất quán quan điểm chủ động thúc đẩy việc mở rộng tham gia các cơ chế, diễn đàn đa phương ở khu vực và thế giới; phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Thấm nhuần tư tưởng đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh và kiên trì chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trên tinh thần đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng việc củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Mặt khác, trong tình hình mới, Đảng luôn quan tâm phát triển quan hệ với các đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Với tư cách là một đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền trên thế giới. Thông qua đó, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị, phát triển hợp tác giữa Việt Nam với các nước, đồng thời có thể tham

khảo những kinh nghiệm hữu ích của các đảng cầm quyền trên thế giới, đóng góp vào việc nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Việt Nam luôn coi trọng và nâng cao hiệu quả của công tác ngoại giao nhân dân theo phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Một trong những hướng hoạt động đối ngoại được Việt Nam hết sức chú trọng hiện nay là nâng cao chất lượng và hiệu quả hội nhập quốc tế, trọng tâm là hội nhập kinh tế, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và phát triển nhanh, bền vững; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn; mở rộng thị trường xuất khẩu.

Đảng và Nhà nước Việt Nam nhấn mạnh việc phát huy vai trò và nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển đất nước.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại; đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Hoài Anh, (2000), *Quan hệ thương mại giữa Việt - Lào từ 1991 đến nay*, Tạp chí Thương mại, số 7.
2. Mai Hoài Anh, (2005), *Hợp tác đầu tư Việt - Lào thập kỷ 90*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 7.

3. Nguyễn Đình Bá, (2002), *Hợp tác đầu tư Việt Nam và Lào - Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4.
4. Báo Đầu tư, *Quan hệ kinh tế Việt - Lào: Bước phát triển mới*, ngày 24/3/2000.
5. Báo Thế giới và Việt Nam, Số 94+95 từ ngày 30/8 đến 12/9/2008.
6. Báo Nhân dân ra ngày 26/4/2009, tr. 1, tr. 3.
7. Việt Báo: *Hướng tới thị trường Lào*, Chủ nhật, 27/4/2003, 16:09 GMT+7.
8. Báo cáo chính trị của BCHTW Đảng NDCM Lào tại đại hội VII - do đồng chí Khăm-tày Xi-phăn-đon Chủ tịch BCHTW Đảng NDCM Lào trình bày, tháng 3 năm 2001 (bản dịch tiếng Việt) Ban đối ngoại TW.
9. Bảo tàng Hồ Chí Minh, (2005), *Tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt - Lào truyền thống và triển vọng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Bộ Kế hoạch và đầu tư, thường trực phân ban hợp tác Việt Nam - Lào, *Báo cáo tổng kết quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - Kỹ Thuật Việt Nam -Lào 1992 - 1995 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch hợp tác Việt - Lào thời kỳ 1996 - 2000*.
11. Bộ Kế hoạch và đầu tư, (2000), *Tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt - Lào giai đoạn 1996 - 2000; chiến lược hợp tác giai đoạn 2001 - 2010 và kế hoạch hợp tác 2001 - 2005*, H.
12. Hiền Phôm-mạc-chăn, (2007), *Kỷ niệm 30 năm ngày ký kết Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Lào - Việt (18/7/1977 - 18/7/2007)*, Tạp chí Thông tin đối ngoại, số 7.
13. Đại sứ quán Việt Nam tại Lào - Cơ quan tham tán kinh tế văn hoá: Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt - Lào các năm 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2007, 2015.
14. Đảng NDCM Lào, (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Đảng NDCM Lào*, NXB Sự thật, H.
15. Đảng NDCM Lào, (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Đảng NDCM Lào*, NXB Sự thật, H.

16. Đảng NDCM Lào (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng NDCM Lào*, NXB Sự thật, H.
17. Đảng NDCM Lào (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng NDCM Lào*, NXB Sự thật, H. 2001.
18. Đảng NDCM Lào, (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng NDCM Lào*, NXB. Sự thật, H.
19. Đảng NDCM Lào (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng NDCM Lào* (Lưu hành nội bộ), Viêng Chăn.
20. Đảng NDCM Lào (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng NDCM Lào* (Lưu hành nội bộ), Viêng Chăn.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam, (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, H.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam, (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, H.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam, (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, H.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của BCH TW khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*. H. tháng 4 năm 2001.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 112.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 183, tr. 184, tr. 236.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr. 71, tr. 153.
28. Nguyễn Hoàng Giáp, *Nhìn lại quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào trên lĩnh vực chính trị an ninh và kinh tế thời kỳ 1991 - 2001*, T/c Nghiên cứu Quốc tế số 41, H. 2001, tr.13-14.

29. Vũ Xuân Hồng, (2007), *Đảng lãnh đạo công tác đối ngoại nhân dân thời kỳ đổi mới và quan hệ đối ngoại nhân dân với Lào*, T/c Thông tin đối ngoại, tr. 20-21.
30. Vũ Dương Huân, (2007), *Nhân 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm ký kết Hiệp ước Hữu nghị: Nhìn lại quan hệ đặc biệt Việt - Lào*, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số 3 (70), tr. 15.
31. Nguyễn Hào Hùng, (2004), *Về những nhân tố thuận lợi và khó khăn trong quan hệ Việt - Lào hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3/2004, tr. 25-28.
32. Phạm Gia Khiêm, *Quan hệ đặc biệt Việt - Lào: Những chặng đường vinh quang và thắng lợi*, Báo Nhân dân ra ngày 17/7/2007.
33. INFO TV: *Kim ngạch xuất, nhập khẩu Việt - Lào đạt 162 triệu USD* 13:49 22/7/2009.
34. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, (1996), *Quan hệ Việt - Lào, Lào - Việt*, H.
35. Trần Bảo Minh, *Thực hiện hợp tác giúp đỡ của Việt Nam dành cho Lào*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4/2002.
36. Đoàn Phương: *Chặng đường 45 năm và quan hệ đặc biệt Việt-Lào*, VietNamNet, cập nhật 08:11, Thứ Tư 18/7/2009.
37. Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Hoàng Giáp, (chủ biên-2014), *Tập bài giảng quan hệ quốc tế*, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
38. Nguyễn Thị Quế (Chủ biên- 2015), *Chính sách đối ngoại của các nước lớn thời kỳ sau chiến tranh lạnh*, Nxb Chính trị quốc gia.
39. Hải Thanh, (2000), *Sức sống mới của quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Lào*, T/c Thương mại, số 13.
40. Từ Thanh Thủy, (1998) *Tình hình trao đổi hàng hoá của Việt Nam qua các cửa khẩu và biên giới với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 10.
41. Từ Thanh Thủy, (2002), *Hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hoá*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4.

42. Thông Tấn Xã Việt Nam, *Tuyên bố chung Việt Nam-Lào*, cập nhật ngày 26/4/2009.
43. Thông Tấn Xã Việt Nam, *Quan hệ Việt Nam-Lào ngày càng củng cố và phát triển*, cập nhật 10/7/2007.
44. TTXVN, *Thứ sáu, 09/01/2009, 01:46 (GM +7)*.
45. TTXVN/Vietnam+: *Hợp tác văn hoá nghệ thuật Việt - Lào*, 05/03/2009 15:25:00 GMT+7.
46. Tapchituyengiao: *Khởi công dự án Trường Quản lý hành chính Viêng Chăn do Hà Nội tài trợ*, 20:37' 17/2/2009.
47. Nguyễn Sỹ Tuấn, (2004), *Hợp tác giáo dục và khoa học Việt - Lào vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3.
48. Thông tin cơ bản về Lào và quan hệ Việt - Lào. http://www.mofahcm.gov.vn/en/mofa/cn_vakv/ca_tbd/nr040819103029/ns150528170311.
49. <http://dantri.com.vn/chinh-tri/quan-he-dac-biet-viet-nam-lao-la-tai-san-vo-gia-1347166510.htm>
50. <http://dangcongsan.vn/> *Tăng cường hơn nữa mối quan hệ đặc biệt Lào- Việt Nam*, cập nhật 08:51 23/04/2009.
51. <http://dangcongsan.vn/> *Việt - Lào hướng tới mục tiêu đạt 1 tỉ USD kim ngạch hai chiều*, cập nhật 04/08/2009.
52. <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/sach-chinh-tri/books-510520151>
53. Nhân dân điện tử, cập nhật 20/2/2009.
54. <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Uu-tien-cao-nhat-cho-quan-he-VietLao/20169/25315.vgp>.

55. <http://tapchiconsan.org.vn/Home/Tieu-diem/2015/32559/Trien-vong-tuoi-sang-cua-quan-he-hop-tac-toan-dien-Viet.aspx>.

56. <http://www.vietnamplus.vn/trien-vong-tuoi-sang-cua-quan-he-hop-tac-toan-dien-vietlao/313482.vnp>.

57. <http://www.tienphong.vn/xa-hoi/con-gan-1000-hai-cot-liet-sy-viet-nam-tai-lao-632425.tpo>.

58. Trang tin điện tử Thể dục thể thao, 23 Tháng Hai 2009 4:37 CH GMT+7.